

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-3-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 524/2020/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Ánh H, sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: Ấp H1, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1972; hộ khẩu thường trú: Ấp H1, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà H có mặt, bị đơn ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn xin ly hôn ngày 14 tháng 10 năm 2020, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Ánh H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T chung sống với nhau từ năm 2000, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 19/12/2003. Quá trình chung sống thời gian

đầu thì hạnh phúc, về sau thì thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, thường đánh chửi bà H, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc. Khoảng 02 năm nay, giữa bà H và ông T không còn sống chung với nhau. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Giữa bà H và ông T có 03 con chung tên Phạm Ngọc T1, sinh ngày 21/3/2001; Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 15/4/2005 và Phạm Thị Thanh T2, sinh ngày 15/11/2014. Hiện nay con chung Phạm Thị Hồng N đang do ông T nuôi dưỡng, con chung Phạm Thị Thanh T2 đang do bà H nuôi dưỡng. Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Phạm Thị Thanh T2, sinh ngày 15/11/2014 và đồng ý giao con chung Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 15/4/2005 cho ông Phạm Ngọc T nuôi dưỡng, không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Phạm Ngọc T1, sinh năm 2001 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

** Bị đơn ông Phạm Ngọc T trình bày:*

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng như tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn biết để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông Phạm Ngọc T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn.

Tại biên bản xác minh cùng ngày 05/01/2021 của Tòa án đối với Công an xã A, huyện D và ông Trương Trường C – Trưởng Ban lãnh đạo ấp H1, xã A, huyện D xác định: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1972 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp H1, xã A, huyện D. Từ nhiều năm nay, bà H và ông T không còn chung sống cùng nhau, bà H về sinh sống tại ấp Đ, xã A, riêng ông T vẫn sinh sống tại ấp H, xã A nhưng thường hay đi làm tại thị xã B, tỉnh Bình Dương, ít khi có mặt tại địa phương.

** Ý kiến cháu Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 15/4/2005:* Cháu Nhung là con chung của bà Lê Thị Ánh H và ông Phạm Ngọc T, khi cha và mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với cha là ông T.

** Ý kiến cháu Phạm Thị Thanh T2, sinh ngày 15/11/2014:* Cháu là con chung của bà Lê Thị Ánh H và ông Phạm Ngọc T, khi cha và mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là bà H.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục cho đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà H có mặt, bị đơn ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng

mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn ông Phạm Ngọc T.

Về nội dung vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án và được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung của nguyên đơn bà H là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà H khởi kiện ông T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Ông T hiện đang cư trú tại Ấp H1, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà H có mặt, bị đơn ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Phạm Ngọc T theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà H và ông T chung sống với nhau từ năm 2000, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 19/12/2003. Quá trình chung sống thời gian đầu thì hạnh phúc, về sau thì thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, thường đánh đập bà H, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc. Khoảng 02 năm nay, giữa bà H và ông T không còn sống chung với nhau. Lời trình bày của nguyên đơn bà H phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Kết quả xác minh ngày 05/01/2021 của Tòa án đối với Công an xã A, huyện D, ông Trương Trường C – Trưởng Ban lãnh đạo ấp H1, xã A, huyện D. Theo quy định tại các Điều 19, 21 của Luật Hôn nhân gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình; chung sống cùng nhau, tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau. Từ những quy định trên thấy rằng, các bên đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, hiện bà H và ông T không còn chung sống cùng nhau, đời sống chung lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông T là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Trong quá trình chung sống, giữa bà H và ông T có 03 con chung: Phạm Ngọc T1, sinh ngày 21/3/2001; Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 15/4/2005 và Phạm Thị Thanh T2, sinh ngày 15/11/2014. Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Phạm Thị Thanh T2, sinh ngày 15/11/2014 và đồng ý giao con chung Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 15/4/2005 cho ông Phạm Ngọc T nuôi dưỡng. Hiện con chung Phạm Thị Thanh T2 đang sinh sống với bà H, con chung Phạm Thị Hồng N đang sinh sống với ông T. Tòa án tham khảo ý kiến của cháu Thảo và cháu Thảo có nguyện vọng chung sống với bà H, cháu Nhung có nguyện vọng chung sống với ông T. Đây là sự tự nguyện, là ý chí tự nguyện của con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với con chung Phạm Ngọc T1, sinh năm 2001 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.5] Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng như tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn ông T biết để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19, 21, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ánh H đối với ông Phạm Ngọc T về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ánh H ly hôn với ông Phạm Ngọc T.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 15/4/2005 cho ông Phạm Ngọc T nuôi dưỡng; giao con chung Phạm Thị Thanh T2, sinh ngày 15/11/2014 cho bà Lê Thị Ánh H nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Phạm Ngọc T1, sinh năm 2001 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Ánh H chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0045207 ngày 20 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, bà H đã nộp xong.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã A, huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Sơn